

**DANH SÁCH HS - SV KHÓA 2015 VÀ KHÓA 2016 CHƯA ĐÓNG HỌC PHÍ HỌC KỲ 1
NĂM HỌC 2017 - 2018 ĐẾN NGÀY 30/11/2017**

(KHOA CÔNG NGHỆ ĐIỆN - ĐIỆN TỬ)

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
1	15001512	Nguyễn Minh Đạt	15CĐ-ĐCN1	10/12/1997
2	15002973	Hoàng Phan Thanh Tiến	15CĐ-ĐCN2	10/05/1997
3	15002930	Huỳnh Đức Hiếu	15CĐ-ĐCN2	02/09/1997
4	15000847	Huỳnh Minh Bảo	15CĐ-ĐCN2	02/09/1995
5	15002881	Kim Ngọc Xi Đene	15CĐ-ĐCN2	09/02/1996
6	15000989	Nguyễn Hoàng Nam	15CĐ-ĐCN2	20/09/1997
7	15000838	Nguyễn Phước Lộc	15CĐ-ĐCN2	03/02/1995
8	15000918	Nguyễn Quốc Việt	15CĐ-ĐCN2	10/07/1997
9	15000980	Phạm Hữu Trung	15CĐ-ĐCN2	18/12/1996
10	15002823	Võ Lý Khánh Long	15CĐ-ĐCN2	07/04/1997
11	15003087	Đặng Nhật Nam	15CĐ-ĐCN3	21/10/1997
12	15001273	Lê Tấn Phú	15CĐ-ĐCN3	12/03/1997
13	15002103	Nguyễn Đức Huy	15CĐ-ĐCN3	10/12/1996
14	15002010	Nguyễn Hữu Tài	15CĐ-ĐCN3	28/01/1997
15	15003111	Nguyễn Quang Trường	15CĐ-ĐCN3	23/07/1997
16	15001229	Nguyễn Quốc Thiện	15CĐ-ĐCN3	06/04/1997
17	15001813	Nguyễn Thế Anh	15CĐ-ĐCN3	10/11/1996
18	15002064	Nguyễn Văn Dao	15CĐ-ĐCN3	08/08/1997
19	15001704	Nguyễn Vinh	15CĐ-ĐCN3	01/04/1997
20	15002046	Phạm Minh Luân	15CĐ-ĐCN3	17/11/1996
21	15002308	Chiêm Ân Hiền	15CĐ-ĐCN4	01/08/1997
22	15002786	Đặng Trung Tín	15CĐ-ĐCN4	10/10/1997
23	15002774	Huỳnh Ngọc Nhân	15CĐ-ĐCN4	24/04/1997
24	15002757	Huỳnh Thanh Hậu	15CĐ-ĐCN4	18/09/1997
25	15002608	Mai Trọng Quý	15CĐ-ĐCN4	27/11/1997
26	15002671	Ngô Văn Bình	15CĐ-ĐCN4	06/03/1997
27	15002727	Nguyễn Trần Thanh Nhân	15CĐ-ĐCN4	01/01/1997
28	15002762	Nguyễn Văn Long	15CĐ-ĐCN4	15/04/1996
29	15002686	Trần Quốc Hoàng	15CĐ-ĐCN4	29/10/1997
30	15002717	Trương Doãn Lương	15CĐ-ĐCN4	20/02/1997
31	15002539	Võ Thành Nhân	15CĐ-ĐCN4	20/07/1997
32	15002342	Võ Trường Danh	15CĐ-ĐCN4	06/05/1992
33	15000499	Đặng Văn Tường	15CĐ-ĐTCN1	20/01/1996
34	15001412	Dương Khánh Duy	15CĐ-ĐTCN1	28/06/1996
35	15001760	Nguyễn Hoài Xuân	15CĐ-ĐTCN1	14/01/1992
36	15002397	Phan Quốc Cường	15CĐ-ĐTCN1	16/07/1997
37	15002958	Vũ Nhật Nam	15CĐ-ĐTCN1	17/01/1997

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
38	15002405	Cao Viết Thắng	15CD-TĐH1	30/10/1997
39	15002945	Châu Lê Nhật Trường	15CD-TĐH1	18/6/1997
40	15002579	Huỳnh Đăng Khoa	15CD-TĐH1	18/11/1996
41	15003112	Huỳnh Nhật Tiến	15CD-TĐH1	26/02/1997
42	15002384	Lê Đăng Tiến	15CD-TĐH1	17/07/1997
43	15002288	Mai Hoàng Xuân Lâm	15CD-TĐH1	11/02/1996
44	15003125	Nguyễn Phú Quý	15CD-TĐH1	08/11/1997
45	15001733	Phạm Văn Cương	15CD-TĐH1	02/02/1996
46	15003016	Phan Huy Hoàng	15CD-TĐH1	28/05/1994
47	15003015	Trần Văn Đạt	15CD-TĐH1	10/06/1997
48	15002759	Võ Xuân Tha	15CD-TĐH1	06/07/1993
49	15002628	Vũ Hữu Sơn	15CD-TĐH1	13/04/1997
50	15000386	Nguyễn Hùng Dũng	15TC-Đ	06/05/2000
51	15000273	Trương Quang Huy	15TC-Đ	11/06/2000
52	15000061	Vũ Quý Bảo	15TCN-Đ	16/12/1999
53	16001071	Lê Văn Tuấn	16CD-ĐCN1	10/03/1997
54	16002636	Nguyễn Văn Tuấn	16CD-ĐCN1	22/05/1998
55	16002419	Nguyễn Văn Vũ	16CD-ĐCN1	10/11/1998
56	16002549	Phương Thế Anh	16CD-ĐCN1	07/07/1998
57	16002750	Nguyễn Tấn Tuấn Vũ	16CD-ĐCN2	16/12/1997
58	16002830	Phạm Trí Nhân	16CD-ĐCN2	19/05/1998
59	16002823	Trần Nguyễn Thành Đạt	16CD-ĐCN2	23/09/1998
60	16002752	Trần Phú Nam	16CD-ĐCN2	16/08/1998
61	16003062	Trần Quốc Thái	16CD-ĐCN2	12/11/1997
62	16002016	Trần Văn Trọng	16CD-ĐCN2	09/09/1998
63	16002703	Võ Tấn Huy	16CD-ĐCN2	10/10/1997
64	16001776	Vũ Thắng	16CD-ĐCN2	28/10/1997
65	16002624	Đào Văn Bắc	16CD-ĐCN3	05/09/1995
66	16002606	Lê Duy Khánh	16CD-ĐCN3	13/09/1997
67	16003374	Nguyễn Doãn Khương	16CD-ĐCN3	08/11/1997
68	16003763	Nguyễn Phúc Hậu	16CD-ĐCN3	11/06/1998
69	16003571	Nguyễn Thái Duy	16CD-ĐCN3	05/02/1998
70	16003460	Nguyễn Thanh Tâm	16CD-ĐCN3	01/05/1997
71	16003704	Nguyễn Văn Thuận	16CD-ĐCN3	25/02/1997
72	16002673	Phạm Hoàng Tuấn	16CD-ĐCN3	18/11/1996
73	16003736	Trần Thanh Hà	16CD-ĐCN3	20/03/1993
74	16003312	Trịnh Hồng Ân	16CD-ĐCN3	02/09/1996
75	16003484	Vòng Nguyệt Minh	16CD-ĐCN3	25/10/1995
76	16002932	Hồ Tấn Phát	16CD-ĐCN4	06/11/1998
77	16002850	Huỳnh Minh Thuận	16CD-ĐCN4	26/11/1998
78	16002740	Liêu Anh Tiến	16CD-ĐCN4	25/12/1998
79	16001304	Mai Văn Cường	16CD-ĐCN4	28/10/1998
80	16002709	Nguyễn Hoàng Minh Tân	16CD-ĐCN4	22/11/1993

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
81	16001565	Nguyễn Kim Nguyên	16CD-ĐCN4	08/04/1998
82	16002832	Phạm Quang Phương	16CD-ĐCN4	01/01/1994
83	16003756	Tô Phương Trung	16CD-ĐCN4	14/02/1998
84	16002122	Lăng Hoàng Thiện	16CD-ĐCN5	08/07/1998
85	16002377	Lê Quang Tuấn	16CD-ĐCN5	16/01/1997
86	16002244	Nguyễn Trần Vĩnh Phước	16CD-ĐCN5	21/08/1996
87	16003588	Đặng Hoàng Vũ	16CD-ĐTCN1	30/06/1997
88	16003397	Đặng Ngọc Nhựt	16CD-ĐTCN1	17/12/1997
89	16003753	Huỳnh Trọng Tuệ	16CD-ĐTCN1	23/01/1997
90	16002674	Ngô Hữu Tuấn	16CD-ĐTCN1	27/12/1998
91	16002829	Nguyễn Công Thành	16CD-ĐTCN1	27/05/1998
92	16003444	Nguyễn Quang Thuận	16CD-ĐTCN1	29/04/1998
93	16002560	Trần Minh Phúc	16CD-ĐTCN1	31/01/1998
94	16003102	Võ Đại Thành	16CD-ĐTCN1	01/08/1998
95	16003925	Đặng Trọng Nghĩa	16CD-LTĐ	06/11/1996
96	16003913	Lê Lợi	16CD-LTĐ	25/9/1994
97	16003960	Phạm Văn Duy	16CD-LTĐ	25/4/1992
98	16001917	Huỳnh Kim Sang	16CD-TĐH1	09/04/1998
99	16003285	Nguyễn Duy Hưng	16CD-TĐH1	17/09/1998
100	16001902	Nguyễn Ngọc Thịnh	16CD-TĐH1	10/12/1998
101	16003790	Nguyễn Thành Tín	16CD-TĐH1	12/03/1998
102	16003276	Phan Ngọc Nguyên	16CD-TĐH1	13/04/1998
103	16001846	Tô Gia Bảo	16CD-TĐH1	13/03/1998
104	16001530	Trần Đông Phong	16CD-TĐH1	16/07/1998
105	16000255	Đinh Hoàng Phúc	16TCN-Đ	30/07/2001
106	16000643	Lâm Phát Tài	16TCN-Đ	19/05/2000
107	16002209	Lê Nguyễn Đông Vũ	16TCN-Đ	08/11/1997
108	16000256	Nguyễn Văn Tài Linh	16TCN-Đ	24/07/2000
109	15000394	Trần Như Hào	16TCN-Đ	29/01/2000
110	16000080	Bùi Quang Cường	16TCN-ĐT	07/09/2001
111	16000435	Đinh Minh Thuận	16TCN-ĐT	28/08/2001
112	16000653	Hồ Minh Phong	16TCN-ĐT	28/07/2000
113	16000646	Hoàng Quang Việt	16TCN-ĐT	22/07/2001
114	16000492	Hoàng Vũ Nhật Tân	16TCN-ĐT	08/02/2001
115	16000561	Huỳnh Văn Tuấn Kiệt	16TCN-ĐT	01/04/2001
116	16000481	Huỳnh Vũ Đăng Thiên	16TCN-ĐT	24/06/2000
117	16000580	Lê Hoàn Huy	16TCN-ĐT	31/10/1999
118	16000348	Mai Hoàng Anh	16TCN-ĐT	02/12/2001
119	16000167	Nguyễn Công Danh	16TCN-ĐT	05/10/2000
120	16000148	Nguyễn Gia Thái	16TCN-ĐT	08/02/2001
121	16000709	Nguyễn Minh Thành	16TCN-ĐT	05/10/2001
122	16003858	Nguyễn Xuân Tài	16TCN-ĐT	23/08/2000
123	16000134	Phan Khánh Khải	16TCN-ĐT	09/05/2001

STT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Ngày sinh
124	16001118	Trần Minh Hải	16TCN-ĐT	27/10/2001
125	16000618	Trần Vĩ Khang	16TCN-ĐT	20/03/2001
126	16000135	Võ Thành Đạt	16TCN-ĐT	23/10/2001
127	16003252	Đỗ Văn Hà	16TCT-Đ	21/04/1996
128	16001877	Nguyễn Hoàng Hải	16TCT-Đ	28/10/1998
129	16001799	Nguyễn Ngọc Thành	16TCT-Đ	18/11/1998
130	16002984	Nguyễn Thanh Tâm	16TCT-Đ	21/09/1998
131	16002108	Trần Đoàn Quang Huy	16TCT-Đ	01/01/1997
132	16003184	Trần Nhựt Duy	16TCT-Đ	16/12/1998
133	16003453	Vi Đình Khải	16TCT-Đ	23/03/1997
Tổng cộng: 133 HS - SV				